

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 8 năm 2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gia

Ông Dương Viết Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Không tham gia phiên tòa

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2017/ TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Kiều O** – sinh năm 1990

HKTT: Xóm Q, xã D, huyện Ph, Thái Nguyên

Địa chỉ: Xóm H, Thị trấn H, huyện Ph, Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **Hoàng Trọng T**- sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm Q, xã D, huyện Ph, Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2017 gửi kèm các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, các đương sự trình bày như sau:

1. Về yêu cầu ly hôn:

Nguyên đơn chị O trình bày: Tôi với anh Hoàng Trọng T, sinh năm 1989 có đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã D năm 2014. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2015, cuộc sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, tình cảm rạn nứt, chồng tôi đã tự ý ly thân với tôi từ lúc tôi sinh con tới nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn quan tâm thương yêu nhau nữa và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoàng Trọng T.

Bị đơn anh T trình bày: Theo nội dung việc đăng ký kết hôn tự nguyện mà chị O vừa trình bày là đúng, tình cảm vợ chồng sang tháng 8 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân chủ yếu về quan điểm sống và vấn đề kinh tế gia đình, tôi vẫn có trách nhiệm đưa tiền cho vợ nuôi con, nhưng vợ tôi sống không hài hoà với gia đình nhà chồng, nay tôi cũng xác định tình cảm với vợ không còn, tôi đồng ý ly hôn với chị O.

Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con sau khi ly hôn:

Nguyên đơn chị O trình bày: Tôi đang làm công nhân tại Công ty điện tử X, thu nhập bình quân hàng tháng là 08 triệu trở lên, tôi đảm bảo có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trai tôi là cháu Hoàng Tùng L, sinh ngày 20/7/2015 được 25 tháng, hiện tại cháu còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ nên tôi muốn Tòa giao cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con và tôi yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức là 1.000.000đ/ tháng, nộp vào ngày đầu của tháng tiếp theo.

Bị đơn anh T trình bày: Nếu ly hôn, tôi cũng mong muốn được nuôi con Hoàng Tùng L, sinh ngày 20/7/2015 và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, tôi là kỹ sư địa chất công trình của Công ty cổ phần thương mại và kỹ thuật H, mức thu nhập hàng tháng là trên 07 triệu đồng

3. Về Tài sản chung, công nợ chung:

Nguyên đơn và Bị đơn (chị O và anh T) đều trình bày: Vợ chồng chúng tôi không có tài sản chung, công nợ chung nên chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải tại vào các ngày 19/4/2017 và ngày 08/5/2017, song các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm về yêu cầu của mình. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Thị Kiều O và anh Hoàng Trọng T đã được Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66 Quyển số 01 ngày 24/11/2014. Nay chị O khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân và các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận định: Về tình cảm vợ chồng giữa chị O và anh T xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài, anh T đi làm xa nhà thường xuyên, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tình cảm không còn. Chị O đã về nhà mẹ đẻ ở một thời gian dài, vợ chồng sống ly thân. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị O được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quyền nuôi con; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con:

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị O và anh T có một con chung là Hoàng Tùng L, sinh ngày 20/7/2015.

Đối với yêu cầu của chị O về quyền nuôi con, Hội đồng xét xử thấy: chị O làm công nhân có thu nhập lương bình quân hàng tháng là trên 08 triệu và hiện tại cháu L được 25 tháng (dưới 36 tháng) là còn rất nhỏ và cháu L hiện nay vẫn đang sống cùng mẹ. Do đó, việc giao cháu L cho chị O nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sẽ đảm bảo mọi điều kiện về vật chất, tinh thần cho cháu được sống, học tập, phát triển bình thường và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu Hoàng Tùng L, sinh ngày 20/7/2015 cho chị O nuôi là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của anh T về quyền nuôi con, Hội đồng xét xử thấy:

Mặc dù anh T có thu nhập ổn định, nhưng thường xuyên đi làm xa nhà, không có chỗ ở cố định, không có thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng con nên sẽ không đảm bảo được mọi điều kiện về vật chất, tinh thần cho cháu Hoàng Tùng L được sống, học tập và phát triển bình thường nên không chấp nhận yêu cầu của anh T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị O yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với mức là 1.000.000đ/ tháng, nộp vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho đến khi cháu Hoàng Tùng L đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét yêu cầu đó là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật do đó được chấp nhận.

Về quyền thăm nom con: Người không trực tiếp nuôi con (là anh Hoàng Trọng T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[2.3] Về Tài sản chung, công nợ chung: Chị O và anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung và không yêu cầu gì, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Dương Thị Kiều O phải chịu án trách nhiệm nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 53, 55, 57, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị Kiều O được ly hôn anh Hoàng Trọng T.

2. Về quyền nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Hoàng Tùng L, sinh ngày 20/7/2015 cho chị Dương Thị Kiều O là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Hoàng Văn T phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Dương Thị Kiều O với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng, nộp vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho đến khi cháu Hoàng Tùng L đủ 18 tuổi.

2.3. Về quyền thăm nom con: anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị Kiều O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm (không có giá ngạch) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000079 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp sung quỹ Nhà nước.

Án xét xử công khai ly hôn sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn và Bị đơn (là Chị O và anh T), báo cho hai bên đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1 bản);
- VKS ND huyện (2 bản);
- T.H.A DS huyện (1 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên